

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 49/2014/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật, Tối mật
của Ban Kinh tế Trung ương**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số:.....S.....
	Ngày:..25/9.....

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

*Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước số 30/2000/PL-UBTVQH10
ngày 28 tháng 12 năm 2000;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước;*

*Theo đề nghị của Trưởng Ban Kinh tế Trung ương và Bộ trưởng Bộ
Công an,*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về danh mục bí mật nhà
nước độ Tuyệt mật, Tối mật của Ban Kinh tế Trung ương.*

Điều 1. Danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật của Ban Kinh tế Trung
ương thuộc phạm vi sau:

1. Các báo cáo, đề xuất, tham mưu của Ban Kinh tế Trung ương với Ban
Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư về việc xây dựng đường
lối, chủ trương, nghị quyết đại hội; nghị quyết, kết luận, chỉ thị, quyết định về
lĩnh vực kinh tế - xã hội; định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội
ngành, vùng liên quan đến an ninh, quốc phòng; về phát triển công nghiệp
quốc phòng.

2. Tin, tài liệu liên quan đến chủ trương, chính sách của Đảng về dự trữ
chiến lược quốc gia, ngân sách đặc biệt dành cho quốc phòng, an ninh; chủ
trương thu, đổi tiền, phát hành tiền chưa công bố hoặc không công bố.

3. Tài liệu về dự trữ ngân sách và các khoản thu, chi đặc biệt của Đảng.
Tài liệu thực hiện nhiệm vụ quốc tế về công tác tài chính đối với các Đảng,
các tổ chức chính trị nước ngoài có quan hệ với Đảng Cộng sản Việt Nam.

4. Tài liệu, sổ công tác, thiết bị lưu giữ thông tin (USB, thẻ nhớ, ổ cứng) chứa thông tin có nội dung thuộc độ Tuyệt mật của cơ quan Ban Kinh tế Trung ương.

5. Các văn bản có sử dụng tin thuộc danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật của các cơ quan, tổ chức khác.

Điều 2. Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật của Ban Kinh tế Trung ương thuộc phạm vi sau:

1. Tài liệu, nội dung làm việc của Ban Kinh tế Trung ương với Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ có liên quan đến các chủ trương, chính sách lớn thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội.

2. Hồ sơ, tin, tài liệu liên quan đến việc thẩm định các đề án kinh tế - xã hội trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư chưa công bố hoặc không công bố.

3. Văn bản tham gia ý kiến của Ban Kinh tế Trung ương đối với các chủ trương, chính sách, các dự án lớn về kinh tế - xã hội trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư chưa công bố hoặc không công bố.

4. Văn bản có ý kiến chỉ đạo trực tiếp (bút tích) của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước với Ban Kinh tế Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Các ý kiến tham gia góp ý của Ban Kinh tế Trung ương với các cơ quan có thẩm quyền trong việc bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý thuộc khối kinh tế - xã hội theo phân công, phân cấp.

6. Tin, tài liệu liên quan đến các vấn đề lịch sử chính trị, kiểm điểm công tác của các đồng chí lãnh đạo Ban Kinh tế Trung ương các khóa chưa công bố hoặc không công bố.

7. Tài liệu, sổ công tác, thiết bị lưu giữ thông tin (USB, thẻ nhớ, ổ cứng) chứa thông tin có nội dung thuộc độ Tối mật của cơ quan Ban Kinh tế Trung ương.

8. Các văn bản có sử dụng tin thuộc danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật của các cơ quan, tổ chức khác.

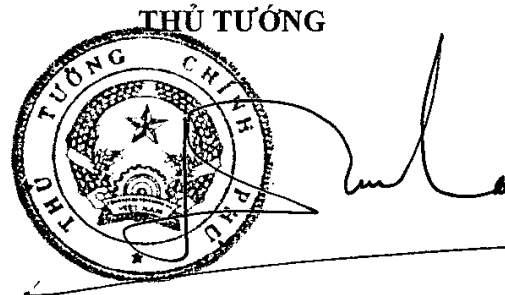
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2014.

Điều 4. Trưởng Ban Kinh tế Trung ương và Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, NC (3b). **M 240**



Nguyễn Tấn Dũng